

# NHẬN ĐỊNH VỀ CÁC CUỘC KHỦNG HOẢNG GIÁ DẦU TĂNG

## 1. Khủng hoảng dầu lửa Trung Đông thời kỳ 1973-1975

### a) Diễn biến của giá dầu tăng

Ngày 6-10-1973, nhằm lễ Yom Kippur (ngày sám hối và xá tội) của người Do Thái, năm sư đoàn của quân đội Ai Cập đã vượt kênh đào Suez tiến vào bán đảo Sinai. Cùng thời điểm, quân đội Syria có sự hỗ trợ của quân Iraq đã tiến vào vùng chiêm đống của quân đội Israel ở cao nguyên

Golan, chiếm đồi Herman và thành phố Kuneitra<sup>1</sup>. Từ ngày 8-10-1973, quân đội Israel đảo ngược tình thế ở cao nguyên Golan, chiếm lại toàn bộ cao nguyên và tiến đến chỉ còn cách thủ đô Damas của Syria 30 km. Tại mặt trận Sinai, họ tiến chậm hơn và đến đêm 14 rạng sáng 15 tháng 10 thì vượt được kênh đào Suez với lực lượng mạnh. Cuộc chiến kéo dài trong vòng ba tuần, đến ngày 23 tháng 10 thì quân đội Israel đã ngừng bắn hoàn toàn sau khi giành được những thắng lợi đáng kể. Cùng ngày, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, theo đề nghị của Liên Xô và Mỹ, đã ra Nghị quyết số 339 yêu cầu các bên ngừng bắn, rút quân về vị trí ban đầu. Các bên đều chấp thuận nghị quyết này.

Ngày 16-10-1973, năm nước Arập là Iran, Iraq, Côoét, Cata và Arập Xêút họp tại Côoét để tăng giá dầu thô từ 3,000 USD lên 5,119 USD/thùng. Hôm sau, chính các nước này, chỉ trừ Iran, tuyên bố tiến hành một “cuộc chiến dầu mỏ” chống Israel<sup>1</sup>. Họ tuyên bố trước hết cấm vận dầu mỏ, đầu tiên là đối với Mỹ, Hà Lan; sau đó là các nước Bồ Đào Nha và Nam Phi. Ngoài ra, họ cũng quyết định hạn chế xuất khẩu dầu 5% sang các nước bị coi là “không thân thiện”<sup>2</sup>. Ngày 19-10-1973, Tổng thống Mỹ Nixon yêu cầu Quốc hội Mỹ hỗ trợ khẩn cấp 2,2 tỷ USD cho Israel, quyết định này khiến các nước OPEC giận dữ và bắt đầu tiến hành phong tỏa, cắt giảm xuất khẩu dầu vào thị trường Mỹ, Nhật

<sup>1</sup>Cuối năm 1973, một cuộc khủng hoảng dầu lửa bắt nguồn từ cuộc chiến tranh Vùng Vịnh mà chỉ trong mấy tháng đã “cuốn sạch” một nửa bán cầu rộng lớn. Tuy nhiên, điều mà mọi người không biết chính là sự bùng nổ cuộc khủng hoảng này trên thực tế là hậu quả của việc các hãng dầu mỏ lớn và các nhà đầu cơ tài chính của Anh - Mỹ đã nhúng tay vào dưới sự ủng hộ của chính phủ. *Chinanews* ngày 3-9-1973 đưa tin, một học giả chính trị Đức đã dùng lịch sử khoa học thiết thực để phân tích, vén bức màn bí mật về việc các nước phương Tây (chủ yếu là Anh, Mỹ) sử dụng vũ khí dầu mỏ để tạo dựng sự bá quyền toàn cầu của mình. Tháng 5-1973, 84 chính trị gia và giới tài chính hàng đầu thế giới đã có cuộc gặp tại hòn đảo du lịch Baden của gia tộc Wallenberg, Thụy Điển. Trong cuộc họp bí mật do “Câu lạc bộ Bilderberg” tổ chức, ông Levy đại diện cho phía Mỹ đã miêu tả sinh động những lợi ích thu được của các nước xuất khẩu dầu mỏ OPEC, tức là viễn cảnh tăng trưởng gấp bốn lần từ nguồn lợi dầu mỏ. Cuộc gặp mặt tập thể này nhằm thao túng dòng chảy đũa dầu mỏ sắp xảy ra.

<sup>2</sup> Trong số các nước phương Tây, Pháp không bị coi là nước thân thiện” nên không bị áp dụng hạn chế này.

Bản và Tây Âu<sup>3</sup>. Quyết định này làm bùng nổ cuộc khủng hoảng dầu mỏ lần thứ nhất nhằm trừng phạt nhóm nước này vì đã ủng hộ Israel trong cuộc xung đột giữa Israel và liên quân Ai Cập - Syria. Trong khi đó, sản lượng dầu của Mỹ bắt đầu xu hướng giảm từ năm 1970, làm trầm trọng thêm hậu quả của biện pháp phong tỏa. Lượng dầu bị cắt giảm tương đương 7% sản lượng của cả thế giới thời kỳ đó. Sự kiện này đã khiến giá dầu thế giới tăng cao đột ngột: giá dầu tăng từ 3,01 USD/thùng vào tháng 10-1973 lên 5,119 USD/thùng<sup>4</sup> vào đầu năm 1974, sau đó liên tục tăng đến gần 12 USD/thùng vào giữa năm 1974 và khoảng 20 USD/thùng vào năm 1975. Cuộc khủng hoảng giá dầu đã gây ra cuộc khủng hoảng kinh tế 1973-1975 trên quy mô toàn cầu với tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát leo lên mức kỷ lục.

Bên cạnh đó, giá dầu tăng còn bắt nguồn từ sự sụp đổ của chế độ bản vị vàng trong hệ thống Bretton Woods (bắt đầu từ ngày 15-8-1971) và làm cho đồng đôla Mỹ và đồng tiền của các nước công nghiệp phát triển bắt đầu chao đảo theo xu hướng giảm. Do giá dầu tính theo đôla Mỹ, nên đồng đôla Mỹ mất giá đã đẩy giá dầu tăng giá. Tháng 9-1971, OPEC đưa ra thông cáo chung với lập luận là sẽ neo giá dầu với diễn biến giá vàng.

Thêm vào đó, một biến cố lớn nữa xảy đến với thị trường chứng khoán toàn cầu vào năm 1973-1974 khi Chỉ số FT30 của sở Giao dịch chứng khoán London bốc hơi 73% giá trị, khiến đồng đôla Mỹ hai lần bị mất giá (một lần vào tháng 8-1971 và lần thứ hai vào tháng 2-1973) và làm cuộc khủng hoảng dầu lửa thêm tồi tệ. Thị trường chứng khoán Mỹ bốc hơi 97 tỷ USD, số tiền khổng lồ thời điểm đó, chỉ sau một tháng rưỡi. Tiếp theo, các nước Ảrập trong OPEC thậm chí còn “đọa cắt” xuất khẩu dầu sang Nhật Bản nếu Nhật Bản tiếp tục lập trường ủng hộ Israel trong cuộc xung đột Israel - Ảrập. Do vậy, Nhật Bản đã buộc phải thay đổi lập trường. Tất cả điều này làm cho nền kinh tế thế giới sau đó đã lâm vào khủng hoảng và suy thoái kinh tế. Những nỗ lực của các nước phát triển nhằm cải thiện tình hình vào năm 1975 cũng không có kết quả. Hiệp

<sup>3</sup> Liên Xô là nước ủng hộ quyết định đó, vì nước này cũng đã là một nước xuất khẩu dầu và chuẩn bị trở thành thành viên của tổ chức OPEC; đồng thời, Liên Xô tìm thấy trong hành động này “hành động chống chủ nghĩa đế quốc”. Đây là lần đầu tiên các nước kém phát triển tìm thấy thế mạnh của mình chống lại các siêu cường.

<sup>4</sup> Giai đoạn từ năm 1948 đến cuối 1957 chứng kiến sự ổn định của giá dầu. Giá dầu nằm trong khoảng từ 2,50 USD/thùng đến 3,00 USD/thùng, sau đó tăng từ 2,5 USD/thùng năm 1948 lên 3 USD/thùng năm 1957 (nếu tính theo giá năm 2006 thì tương ứng là 17 USD/thùng và 18 USD/thùng). Từ năm 1958 đến 1971, giá dầu ổn định ở mức khoảng 3 USD/thùng (tức là tương đương 17 USD/thùng theo giá năm 2006).

định hòa bình Trại David (1978) dẫn đến việc bình thường hóa quan hệ giữa Ai Cập và Israel, lần đầu tiên một quốc gia Arab công nhận quốc gia Do Thái. Ai Cập, vốn đã bắt đầu xa lánh Liên Xô, sau đó tách hoàn toàn khỏi khu vực ảnh hưởng của Liên Xô.

## **b) Yếu tố tác động**

Trong suốt cuộc khủng hoảng dầu mỏ lần thứ nhất, GDP của Mỹ đã giảm 3,2%, tỷ lệ thất nghiệp chạm mức 9% ở cả Mỹ lẫn châu Âu. Suy thoái và lạm phát lan rộng gây ảnh hưởng tới kinh tế toàn cầu đến tận thập niên 1980. Đây được xem là cơn khủng hoảng đáng nhớ nhất trong những năm 1970. Những ai từng trải qua “cơn khủng hoảng dầu Trung Đông” sẽ không thể nào quên cảnh hàng đoàn người dài dằng dặc chờ đợi trước các cây xăng bởi nguồn cung ứng thiếu hụt nghiêm trọng và giá cả tăng cao. Trong thời gian khủng hoảng, tại nhiều bang ở Mỹ, mỗi người dân chỉ được phép mua một lượng nhiên liệu nhất định, giá đã tăng trung bình bốn lần chỉ trong vòng hơn một năm từ năm 1973 đến 1975.

Như vậy, có thể thấy dầu mỏ lần đầu tiên được đem ra sử dụng và đã được sử dụng thành công cho mục đích ngoại giao và chính trị. Từ đây ra đời thuật ngữ mới là “ngoại giao dầu mỏ”. Khái niệm “đôla dầu mỏ” cũng bắt đầu xuất hiện trong thời kỳ này. Do nguồn đôla thu được ào ạt đổ về các quốc gia Trung Đông xuất khẩu dầu mỏ nhờ giá dầu tăng liên tục trong những năm 1970 nên các nước Arab đã tích lũy được số tiền dự trữ lớn, có lúc lên tới gần 700 tỷ USD vào cuối những năm 1970. Họ dùng số tiền này để: (i) củng cố sự thống trị của vương quyền<sup>5</sup>; (ii) xây dựng và hiện đại hóa đất nước; (iii) đầu tư vào các nước tư bản, vừa được dùng là “cửa để dành”, vừa là đòn bẩy kinh tế và chính trị.

Đồng thời, qua những lần giá dầu tăng, cục diện thế giới cũng có những thay đổi rất lớn. Các nước xuất khẩu dầu dùng lợi nhuận thu được từ dầu mỏ để tái đầu tư công nghiệp hóa, làm tăng mức độ công nghiệp hóa toàn cầu. Các nước công nghiệp phát triển mỗi khi đối mặt với giá năng lượng cao, lại tìm cách chuyển sản xuất ra các nước có mức độ công nghiệp hóa thấp hơn, nhưng

---

<sup>5</sup>Các khái niệm “Ông hoàng”, “Bà chúa” dầu lửa ở Trung Đông bắt đầu xuất hiện trong giai đoạn này.

có ưu đãi lớn hơn về thuế và giá nhân công rẻ... Có thể nói, đó chính là một trong những nguyên nhân quan trọng làm xuất hiện hàng loạt các “con hổ”, “con rồng” như Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Thái Lan,...

Ngay sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ lần thứ nhất, các nước OPEC đã nhận ra “Sói khí dầu mỏ” là con dao hai lưỡi, vì một khi giá dầu tăng quá cao, người ta sẽ dồn sang sử dụng các dạng năng lượng khác. Và quan trọng nhất là con người với sự tiến bộ của công nghệ ngày càng muốn tìm ra những nguồn năng lượng “xanh” mới, những thiết bị đầu cuối “xanh” tiết kiệm nhiên liệu để ngày càng giảm phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch và đối phó với biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường trái đất.

Trong những năm 1970, là nước sản xuất lớn nhất và xuất khẩu dầu khí lớn thứ hai thế giới, Liên Xô được lợi rất lớn từ nguồn thu do xuất khẩu dầu khí đem lại và cũng là một trong những nguồn lực chính giúp Liên Xô nâng cao phúc lợi của người dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng, mở rộng ảnh hưởng quốc tế. Trong khi đó, với những nền kinh tế kém phát triển lại không sản xuất dầu khí thì khi giá dầu tăng thực sự là khó khăn rất lớn, “cú sốc dầu mỏ” này đã dẫn tới thâm hụt cán cân thanh toán của các nước này đến 9 tỷ USD năm 1973 và tăng lên tới 35 tỷ USD năm 1975.

### *c) Giải pháp khắc phục*

Sau một thời gian bị động cả về chiến lược và sách lược, Mỹ và phương Tây đã dần tìm cách thích ứng và “phản công”: (i) Họ thúc đẩy cách mạng công nghệ, khoa học kỹ thuật để sử dụng năng lượng hiệu quả hơn, sản xuất nhiều đơn vị sản phẩm/đơn vị năng lượng hơn; (ii) Dùng chiêu bài đẩy lạm phát và phá giá đồng tiền để làm giảm giá trị thực của đôla dầu lửa (phải cả chục năm sau các nước Ả-rập mới biết đến chiêu này); (iii) Tạo sự chia rẽ, phân hóa làm suy yếu OPEC từ bên trong khiến OPEC khó đạt được sự nhất trí theo hướng chỉ có lợi cho họ, nhưng lại có hại cho các nền kinh tế trong G7 và kinh tế thế giới.

Đồng thời, Henry Kissinger là người có nỗ lực rất lớn trong việc thành lập tổ chức của những nước tiêu thụ dầu mỏ chính. Đó là Cơ quan năng lượng quốc

tế (IEA), gồm chín nước thị trường chung châu Âu (EC) (không có Pháp)<sup>6</sup> Mỹ, Nhật Bản, Canada, Thụy Điển, Áo và Thổ Nhĩ Kỳ để bàn kế hoạch đối phó với các cuộc khủng hoảng giá dầu tăng. Giữa tháng 12-1975, tại Paris, một hội nghị nữa được tổ chức giữa 7 nước OPEC, 12 nước kém phát triển hoặc ít xuất khẩu dầu mỏ: Ấn Độ, Pakixtan, Ai Cập, Nam Tư,... và 8 nước công nghiệp, trong đó EC chỉ có một đại biểu. Tuy nhiên, vì không thống nhất được về chương trình nghị sự, hội nghị này đã thất bại. Pháp đã cố gắng tìm được một giải pháp thỏa hiệp giữa các nước công nghiệp và các nước đang phát triển bằng cách sử dụng những đồng “đôla dầu mỏ” để tài trợ phát triển cho các nước Thế giới thứ ba, dưới sự bảo đảm của Ngân hàng Thế giới, nhưng vấp phải sự phản đối của Mỹ nên cũng không thành công.

Do không đạt được những thỏa thuận toàn cầu và việc tăng giá lên rất cao so với mức cũ của các nước OPEC đã ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển của kinh tế thế giới. Anh, Italia có tốc độ lạm phát hàng năm 20%. Các nước công nghiệp phát triển như Anh, Đức, Nhật Bản và một số nước khác đều đứng trước khó khăn do giá dầu tăng cao, buộc phải thi hành chính sách “thắt lưng buộc bụng”. Pháp thực hiện “Kế hoạch Barre” từ tháng 10-1976 có vẻ hiệu quả. Ba nước Đức, Mỹ, Nhật Bản áp dụng thành công chính sách khắc khổ nên duy trì được mức lạm phát 6%.

## **2. Cách mạng Iran và biến động thị trường dầu lửa năm 1979**

Bối cảnh lịch sử của “cú sốc” lần này là sự kiện vua (Shah) Mohammad Reza Pahlavi của Iran bị lật đổ và Giáo chủ Ruhollah Musavi Khomeini lên nắm quyền ở Iran tháng 1-1979. Trước đó, giá dầu được duy trì ở mức thấp một thời gian dài sau cú sốc lần thứ nhất năm 1973. Cách mạng Hồi giáo Iran lật đổ chính quyền quân chủ của Shah được mệnh danh là cuộc cách mạng lớn thứ ba trong lịch sử nhân loại, sau Cách mạng tư sản Pháp, Cách mạng Tháng Mười Nga. Cuộc cách mạng Iran đã làm ngành công nghiệp vàng đen của nước này dưới chế độ mới giảm mạnh bởi sự tàn phá của các lực lượng đối lập và đã gây ra cuộc khủng hoảng dầu lửa lớn thứ hai thế giới.

---

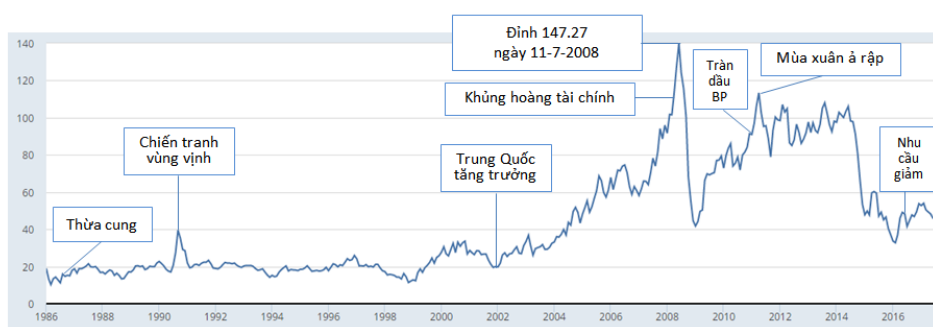
<sup>6</sup>Tổng thống Pháp khi đó là Giscard D’Estaing chống lại việc này vì ông cho rằng đó là hình thức “cartel của những nước tiêu thụ dầu”; do đó, tháng 4.-1975 ông đề nghị tổ chức một hội nghị năng lượng giữa những nước sản xuất và những nước tiêu thụ dầu. Cuộc họp trừ bị đầu tiên được tiến hành ở Paris ngày 7-4- 1975 nhưng thất bại. Các nước IEA muốn hội nghị chỉ tập trung vào những vấn đề năng lượng, còn các nước OPEC thì muốn mở rộng sang các vấn đề về nguyên liệu, cải cách hệ thống tiền tệ quốc tế và vấn đề phát triển.

Iran là nước xuất khẩu 5,4 triệu thùng dầu/ngày, chiếm 17% tổng sản lượng của OPEC trong nửa đầu năm 1978. Tuy nhiên, khi cách mạng Iran bùng nổ sản lượng dầu của nước này giảm nghiêm trọng làm cho giá dầu bốc lên cao chót vót do nỗi sợ hãi của thị trường, cộng thêm việc Tổng thống Mỹ Jimmy Carter ra lệnh ngừng nhập khẩu dầu từ Iran. Chỉ trong vòng 12 tháng (1978-1979) giá dầu nhảy vọt từ 15,85 USD/thùng lên 39,5 USD/thùng. Tuy nhiên, theo yêu cầu của Mỹ, khi đó Ả-rập Xê-út đã tăng sản lượng thêm 30%, Cô-ét và các nước xuất khẩu khác cũng đã tăng sản lượng để bù đắp sự thiếu hụt do gián đoạn nguồn cung dầu mỏ từ Iran. Kết quả là, trong cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1979, mức thiếu hụt ở phương Tây chỉ là 4%, đủ để không phải phân phối xăng dầu, song không đủ để ngăn giá dầu tăng và ngăn một cuộc suy thoái kinh tế nghiêm trọng xảy ra.

Thêm vào đó, ngày 22-9-1980, khoảng một năm rưỡi sau khi Giáo chủ Khomeini nắm quyền, chiến tranh Iran - Iraq nổ ra làm sản lượng khai thác dầu của cả hai nước đều suy giảm. Đến tháng 11-1980, sản lượng của cả hai nước chỉ còn khoảng 1 triệu thùng/ngày, thấp hơn một năm trước đó là 6,5 triệu thùng/ngày. Do đó, sản lượng dầu thế giới thấp hơn 10% so với năm 1979 và hệ quả là giá dầu thế giới lại tiếp tục bị đẩy lên cao một lần nữa. Do giá dầu tăng cao, các nước OPEC (chủ yếu ở Vùng Vịnh) đã ngồi trên kho ngoại tệ khổng lồ: chỉ riêng năm 1980, họ đã tích được 102 tỷ USD.

Giá dầu tăng cao chính là tiền đề cho cuộc khủng hoảng kéo dài 30 tháng tại Mỹ, dẫn đến những hỗn loạn tại phương Tây. Hồi đó, việc xe ô tô phải xếp hàng để đổ xăng trở nên phổ biến tại Mỹ, chính quyền đã in phiếu để chuẩn bị cho việc phân phối này, và bang California đã thực hiện việc phân phối này. Giá năng lượng đi lên kéo theo lạm phát gia tăng, đạt mức đỉnh 13,5% trong năm 1980, buộc Ngân hàng Trung ương Mỹ (FED) phải thực hiện hàng loạt chính sách thắt chặt tiền tệ. Không chỉ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp cũng tăng một cách đáng lo ngại từ mức 5,6% của tháng 5-1979 lên 7,5% một năm sau đó. Dù kinh tế bắt đầu hồi phục trong năm 1981, nhưng tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức cao 7,5% và đạt kỷ lục 10,8% vào năm 1982. Hậu quả của suy thoái tài tệ đến nỗi các ngành công nghiệp xe hơi, nhà đất và sản xuất thép đều liên tục sụt giảm trong 10 năm sau, cho tới tận khi cuộc khủng hoảng giá dầu tiếp theo kết thúc.

**Biểu 1.1:** Một số sự kiện làm biến động giá dầu giai đoạn 1983-2014



Biểu đồ giá dầu trên thế giới tính đến tháng 12 năm 2016

Như vậy, cuộc cách mạng Hồi giáo Iran và chiến tranh Iran - Iraq làm cho giá dầu tăng hơn hai lần, từ mức 14 USD/thùng năm 1978 lên gần 40 USD/thùng vào năm 1981. Giá dầu chỉ duy trì ở ngưỡng trên 30 USD/thùng trong khoảng một năm, đến đầu năm 1983, giá dầu đã hạ xuống 29 USD/thùng, sau đó tiếp tục giảm và tương đối ổn định ở mức 20-30 USD/thùng từ sau năm 1985.

### 3. Cơn sốt giá dầu những năm 1990

Giá dầu thế giới một lần nữa tăng vọt thêm 13% vào tháng 8-1990 vì cuộc chiến tranh Vùng Vịnh giữa Iraq và liên quân của hơn 30 quốc gia do Mỹ lãnh đạo để giải phóng Côoét. Sau cuộc chiến, Liên hợp quốc áp dụng lệnh cấm xuất khẩu dầu toàn phần đối với Iraq và Côoét. Chính lệnh cấm vận này đã lấy đi của thị trường dầu mỏ thế giới gần 5 triệu thùng/ngày, khiến giá tăng cao. Cơn sốt lần này kéo dài trong chín tháng và giá không vượt đỉnh các cuộc khủng hoảng trước (các năm 1973 và 1979-1980). Tại thời điểm đó, mỗi thùng dầu đắt gấp đôi chỉ trong vòng hai tháng, từ 17 USD/thùng tăng lên 36 USD/thùng. Cuối năm 1990, giá dầu có lúc tăng vọt từ 30 USD/thùng lên 40 USD/thùng.

Chỉ khi lực lượng liên quân do Mỹ lãnh đạo đưa quân vào giải phóng Côoét, tình trạng thiếu nguồn cung mới chấm dứt, giá bắt đầu hạ và rất nhanh trở về mức bình thường 30 USD/thùng vào đầu năm 1991. Bởi vậy, việc tăng giá dầu lần này chỉ được xem là sự tăng đột biến, không ảnh hưởng lớn và trầm trọng như các cuộc khủng hoảng trước.

Bên cạnh đó, từ năm 1991 đến 1997, chu kỳ giá dầu mỏ lại tăng lên do nền kinh tế Mỹ lớn mạnh và khu vực châu Á - Thái Bình Dương tăng trưởng

cao, mức tiêu thụ dầu thế giới tăng 6,2 triệu thùng/ngày. Mức tiêu thụ của các nước châu Á tăng thêm 300.000 thùng/ngày, góp phần làm cho giá dầu tăng trở lại và tăng mạnh vào năm 1997. Sản lượng dầu giảm sút của Nga trong thời gian này cũng góp phần làm tăng giá dầu. Giữa năm 1991 và 1996, sản lượng dầu của Nga giảm trên 5 triệu thùng/ngày. Sự tăng lên của giá dầu không kéo dài được lâu và kết thúc vào năm 1998 khi OPEC đã làm nới hoặc đánh giá thấp tác động của khủng hoảng kinh tế châu Á (làm cho kinh tế thế giới suy giảm và do vậy, nhu cầu đối với dầu cũng giảm theo).

Tuy nhiên, do OPEC tiếp tục cắt giảm sản lượng thêm 1,719 triệu thùng/ngày vào tháng 4-1999, lượng xăng dầu dự trữ của Mỹ thấp hơn dự kiến (nên phải gia tăng mua dự trữ), nhu cầu dầu mỏ thế giới tăng cao (nhất là Trung Quốc và Mỹ), nên giá dầu lại tăng vào nửa đầu năm 1999. Tính từ đầu năm 1998 đến giữa năm 1999, sản lượng của OPEC đã giảm 3 triệu thùng/ngày khiến giá dầu tăng trở lại. Với vấn đề Y2K và sự tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ cũng như thế giới, giá tiếp tục tăng vào năm 2000 và đạt mức trên 40 USD/thùng vào tháng 10-2000 (mức cao nhất tính từ năm 1981).

#### **4. Đợt khủng hoảng giá dầu nghiêm trọng năm 2007-2008**

Thế giới giữa thập niên 2000 có một số sự kiện gây tác động tới sản xuất dầu như: cơn bão ở vùng vịnh Mêhicô (9-2005), tình hình bất ổn ở Nigêria (2006-2008), các cuộc xung đột liên tục bùng phát ở Iraq,... nhưng thế giới vẫn giữ được sản lượng và giá dầu ổn định. Tuy nhiên, sau đó sản lượng khai thác dầu mỏ toàn thế giới đã sụt giảm, được đánh dấu bằng sự sụt giảm sản lượng của một số vùng khai thác như ở Biển Bắc (chiếm 8% sản lượng toàn cầu), giếng dầu Cantarell của Mêhicô (lớn thứ hai thế giới),... Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA) đã dự báo sai chính sách sản xuất dầu của Ả-rập Xê-út<sup>7</sup> là sẽ tăng sản lượng lên 12 triệu thùng/ngày vào năm 2010. Nhưng năm 2007, sản lượng của nước này chỉ tăng thêm có 850 nghìn thùng/ngày, còn thấp hơn cả sản lượng của năm 2005. Bởi vậy, từ năm 2002 đến 2008, giá dầu đã tăng từ mức 20 USD/thùng vào năm 2002 lên 25 USD/thùng vào tháng 9-2004, trên 60 USD/thùng vào

<sup>7</sup>Trong lịch sử, Ả-rập Xê-út vốn là nước thường tăng sản lượng khi nguồn cung của thế giới sụt giảm để bù đắp sự thiếu hụt



tháng 8-2005, trên 80 USD/thùng vào tháng 9-2007, 98,62 USD/thùng vào tháng 10-2007 và chạm mốc 147 USD/thùng vào tháng 7-2008.

Trong bối cảnh đó cộng với đồng USD mất giá nghiêm trọng, nhiều nước có dự trữ đôla Mỹ lớn và khối OPEC đã phải tính đến khả năng chuyển dần sang sử dụng loại ngoại tệ mạnh khác để tính giá dầu. Dầu đắt đỏ và nguy cơ cạn kiệt nguồn cung đã làm bùng lên cuộc tranh chấp giữa các cường quốc về chủ quyền đối với những giếng dầu lớn và đáy biển ở Bắc Cực cũng như Nam Cực. Điều đáng quan tâm là giá dầu tăng lên đến 100 USD/thùng ngay trong tháng 12-2007, ngang với giá dầu ở thời điểm cuộc khủng hoảng dầu lửa lần thứ hai những năm 1979-1980 và giá dầu không trở về mức cũ mà vẫn giữ ở mức cao.

Giá dầu cao cùng với bong bóng nhà ở do sự giám sát tài chính lỏng lẻo của Mỹ đã dẫn tới cuộc khủng hoảng tài chính bùng phát vào giữa năm 2008. Sự đổ vỡ lên đến cực điểm vào tháng 10-2008, lan rộng và đẩy nền kinh tế thế giới vào cuộc khủng hoảng tài chính trầm trọng nhất kể từ Chiến tranh thế giới thứ hai. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất hàng hóa của Mỹ, lượng người thất nghiệp tăng cao, đôla sụt giá mạnh. Nước Mỹ gần như rơi vào thảm cảnh Đại khủng hoảng 1929 - 1933. Tại thời điểm này, ngày 3-7-2008 giá dầu đã lên đến mức kỷ lục 147 USD/thùng. Tất cả các nền kinh tế lớn trên thế giới đã bị xoáy vào cuộc khủng hoảng này và làm cho nhiều nền kinh tế lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài. Điều này đã làm cho thế giới lo ngại sắp tới sẽ có thể xảy ra cuộc khủng hoảng năng lượng lần thứ ba kéo dài hơn, trầm trọng hơn hai lần trước<sup>8</sup>. Trước tình hình giá dầu tăng mạnh, nhu cầu đối với dầu của thế giới có xu hướng giảm, Năm 2007, chỉ có Trung Quốc cần 870 nghìn thùng/ngày, cao hơn hai năm trước đó; còn Hoa Kỳ thì giảm còn 122 nghìn thùng, thấp hơn năm 200; châu Âu giảm xuống 346 nghìn thùng/ngày còn Nhật Bản thì chỉ còn 318 nghìn thùng/ngày nhằm đối phó với giá dầu tăng.

<sup>8</sup> Lúc đó, theo dự báo của nhiều chuyên gia năng lượng thế giới, đến năm 2015, giá dầu có thể tăng lên đến 380 USD/thùng. Giá dầu 60 USD/thùng đã là mức quá cao đủ gây tác động kinh tế 1 toàn cầu nói chung, làm suy thoái kinh tế và rối ren bất ổn xã hội, 1 như thực tế những cuộc khủng hoảng dầu mỏ trước đây đã cho 1 thấy. Vì vậy, họ dự báo diễn biến bất thường về giá dầu lần này gây tác động rất to lớn và khủng khiếp đến nền kinh tế thế giới. Đây thật sự sẽ là một cơn sóng thần cho cá nhân loại như nhiều nhà 1 phân tích kinh tế đã hình dung. Cơn sóng thần này có thể diễn biến 1 theo ba đợt. Năm 2007 là đợt nhỏ nhất, như một làn sóng báo nguy. Đợt tiếp sau sẽ mạnh hơn, vào khoảng năm 2009-2010. Đây là lúc các nước không thuộc OPEC đạt đến đỉnh sản xuất dầu và bắt đầu 1 giảm dần mức sản xuất. Đợt cuối cùng là đợt mãnh liệt nhất, xảy ra

Nếu như giá dầu lên cao thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế Mỹ, thì với Nhật Bản tình hình lại khác - nước này đã vượt qua những “cú sốc tăng giá dầu” bởi những thành tựu kinh tế thần kỳ: chuyển hướng nền kinh tế từ sử dụng nhiều nhiên liệu “thô” sang hướng sản xuất công nghệ cao, như điều khiển học - điện tử, quang học, - công nghệ sinh học,... Đối với công nghiệp thép, - công nghiệp đóng tàu, người Nhật chuyên sang các nước và vùng lãnh thổ như Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan: Thép Pohang (Pohang Steel), Tập đoàn, thép Trung Quốc (China Steel); đóng tàu Hyundai, Daewoo (Hyundai Heavy Industries, Daewoo Shipbuilding),... Cách mà người Nhật vượt qua “cú sốc dầu mỏ” tuy thế vẫn chưa mở ra cho nhân loại nói chung một cái nhìn mới, hướng tới phát triển những công nghệ sử dụng năng lượng “xanh”, ngày càng ít phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch.

Giá dầu cao chỉ có lợi cho các nước xuất khẩu dầu nhưng ít chịu ảnh hưởng bởi kinh tế toàn cầu, như nước Nga. Đây là thời kỳ nằm trong nhiệm kỳ của Tổng thống DMedvedev (2008-2012), chỉ có một giai đoạn ngắn, GDP nước này sụt giảm thấp nhất, nhưng về tổng thể là xu thế đi lên và nước Nga mạnh mẽ hẳn lên nhờ giá dầu cao trong giai đoạn này. Tuy nhiên, sau cuộc khủng hoảng năm 2008, một lượng vốn lớn lại rút khỏi thị trường dầu mỏ khiến giá dầu sụt giảm nghiêm trọng. Đến ngày 12-2-2009, giá dầu WTT giảm xuống mức thấp nhất, chỉ còn khoảng 35 USD/thùng. Giá dầu thế giới lại trở về mức bình thường.

### **5. Cú sốc dầu lửa năm 2011**

Năm 2011 là năm đầy biến động của thị trường dầu thế giới. Giá dầu đạt ngưỡng cao kỷ lục. Nguyên nhân là do sản lượng khai thác của Libi giảm hơn một nửa do bạo động và sự mất kiểm soát của chính quyền Tổng thống Gaddafi đã đẩy các mỏ dầu và khí đốt ở đây vào tay phe đối lập. Lực lượng đối lập đã kiểm soát các cổng xuất khẩu dầu mỏ quan trọng ở Tobruk và Duetina. Với sản lượng khai thác 1,8 triệu thùng/ngày, Libi xuất khẩu 90% lượng dầu khai thác, xuất khẩu sang nhiều nước châu Âu, trong đó có nhiều nước đang bên bờ khủng hoảng chính trị. Sự thiếu hụt dầu mỏ ở Libi khiến các công ty dầu khí phải tìm nguồn cung tương tự của các nước có chất lượng dầu tốt tương tự Libi như

Nigeria, Angola và vùng Biển Bắc để thay thế. Phương án này đã làm tăng giá các loại dầu chất lượng cao.

Tiếp đó, sau cái chết của Gaddafi, bạo loạn tại khu vực Trung Đông và Bắc Phi nói chung cùng những cuộc biểu tình ở Libi nói riêng từ năm 2012 đến đầu năm 2014 đã gây sóng gió trên thị trường nhiên liệu, với giá dầu WTI tăng tới hơn 100 USD/thùng, trong khi dầu Brent chạm mức 120 USD/thùng, mức cao nhất kể từ thời điểm bắt đầu khủng hoảng tài chính toàn cầu tháng 9-2008. Các nước phải nhập khẩu dầu mỏ, nhất là các nước châu Âu (ví dụ Italia, Ai Cập và Áo) phụ thuộc khá nhiều vào dầu mỏ đến từ Libi, phải đối mặt với nhiều khó khăn về tài chính. Giá dầu mỏ tăng cao ảnh hưởng mạnh tới kinh doanh chứng khoán và vận tải. Giới phân tích tính toán nếu những cuộc bạo loạn lúc đó khiến giá dầu tăng thêm 40-50 USD/thùng, và tình trạng này kéo dài một năm, thì tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ mất khoảng 2%.

Đồng thời với sự khủng hoảng nguồn cung, nhu cầu dầu mỏ của thế giới ngày càng tăng, đặc biệt các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Brazil, Ấn Độ, các quốc gia châu Á và châu Phi là nhân tố thúc đẩy nhu cầu sử dụng dầu, khiến giá dầu ngày càng có xu hướng tăng cao. Năm 2012-2013, thế giới tiêu thụ khoảng hơn 90 triệu thùng dầu/ngày. Dẫn đầu về mức độ tiêu thụ dầu là Trung Quốc, sau đó là các quốc gia có nền kinh tế mới nổi đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh. Trung Quốc tiêu thụ 357.000 thùng nhiên liệu máy bay trong 1 ngày vào năm 2010; năm 2012 con số này là khoảng 403.000 thùng/ngày.

Trong khi đó, tính đến cuối tháng 7-2012, Ấn Độ đứng thứ tư thế giới về tiêu dùng dầu mỏ và khí đốt, sau Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản. IEA đánh giá, trong năm 2013, nhu cầu dầu tăng nhanh tại châu Phi, nơi nền kinh tế đang ghi nhận tốc độ tăng trưởng ổn định.